



CÔNG TY TNHH SƠN KOVA

Lô 32, Khu Liên Cơ, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

☎ (+84) 24 3764 7750

☎ (+84) 24 3764 8035

**BẢNG CHÀO GIÁ SƠN TRANG TRÍ & SƠN PHỦ SÀN**

(Áp dụng từ ngày 04/10/2021)

Mã số	Tên sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)		Định mức m ² /thùng 20kg
		20 kg	4 kg	
Sơn nước trong nhà				
K109 - GOLD	Sơn lót kháng kiềm cao cấp trong nhà	2,025,000	442,000	100 - 120
K10 - GOLD	Sơn trắng trần trong nhà	2,105,000	455,000	100-120
K871 - GOLD	Sơn bóng cao cấp trong nhà	3,990,000	846,000	120 - 140
K5500 - GOLD	Sơn bán bóng cao cấp trong nhà	2,955,000	621,000	90 - 100
K260 - GOLD	Sơn không bóng trong nhà	1,366,000	303,000	60 - 70
K771 - GOLD	Sơn không bóng trong nhà	1,133,000	268,000	60 - 70
Sơn nước ngoài trời				
K209 - GOLD	Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài trời	3,328,000	728,000	100 - 110
K360 - GOLD	Sơn bóng cao cấp ngoài trời	5,435,000	1,145,000	120 - 140
K5800 - GOLD	Sơn bán bóng cao cấp ngoài trời	3,899,000	779,000	100 - 110
CT04T - GOLD	Sơn trang trí, chống thấm cao cấp ngoài trời	4,265,000	905,000	80 - 100
K5501 - GOLD	Sơn không bóng cao cấp ngoài trời	2,785,000	605,000	100 - 110
K261 - GOLD	Sơn không bóng ngoài trời	1,777,000	392,000	80 - 90
Ghi chú: Giá trên chỉ áp dụng cho sơn trắng, nếu khách hàng có yêu cầu pha màu thì phải tính thêm tiền màu.				
Sơn màu pha sẵn trong & ngoài nhà				
K180 - GOLD	Sơn màu pha sẵn trong nhà	1,118,000	256,000	60 - 65
K280 - GOLD	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu nhạt	1,640,000	355,000	80 - 90
K280 - GOLD	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu đậm	2,140,000	462,000	80 - 90
Sơn sàn thể thao, sàn công nghiệp				
CT08 - GOLD	Sơn sân tennis, sàn thể thao đa năng màu trắng, xanh, đỏ (theo catalogue sân tennis, sân thể thao)	5,575,000	1,175,000	tùy bề mặt
CT08 - GOLD	Sơn sân tennis, sàn thể thao đa năng màu (theo catalogue sơn trang trí)	6,415,000	1,338,000	tùy bề mặt
KL5T - GOLD	Sơn men bán bóng phủ sàn trong nhà chịu mài mòn	5,249,000	1,090,000	40 - 50
KL5T - GOLD	Sơn men bóng phủ sàn trong nhà chịu mài mòn	6,045,000	1,248,000	40 - 50
KL5T Aqua - GOLD	Sơn lót chịu mài mòn	3,035,000	650,000	20 - 30
MT KL5T Aqua - GOLD	Matit KL5T Aqua Gold	2,410,000	515,000	tùy bề mặt

Ghi chú: Đơn giá sản phẩm đã bao gồm 10% VAT

BẢNG GIÁ MÀU KOVA

(Áp dụng từ ngày 04/10/2021)

STT	Mã màu theo cuốn KOVA Colorfan+ 1026 màu	Mã màu theo cuốn KOVA Colortrend	Đơn giá (VNĐ)	
			4 kg	20 kg
1	Mã màu đuôi OW		33,000	165,000
2	Mã màu AP1 đến AP22 bao gồm tất cả các ký tự cuối cùng từ 1 đến 6	Mã màu đuôi P	38,000	190,000
3	Mã màu AP23 đến AP152 có các ký tự cuối cùng là 1, 2, 6			
4	Mã màu AP23 đến AP 152 có các ký tự cuối cùng là 3, 5	Mã màu đuôi T	118,000	590,000
5	Mã màu AP23 đến AP152 có ký tự cuối cùng là 4	Mã màu đuôi D	142,000	710,000
6	Mã màu AP153 đến AP171 bao gồm các ký tự cuối cùng từ 1 đến 6	Mã màu đuôi A	178,000	890,000

Ghi chú: Đơn giá màu đã bao gồm 10% VAT

BẢNG CHÀO GIÁ MATÍT, CHỐNG THẤM & SƠN ĐẶC BIỆT

(Áp dụng từ ngày 04/10/2021)

Mã số	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Định mức m ² /kg
Matít				
MTT - GOLD	Matit trong nhà	25 kg/th	498,000	1,2 - 1,4
MTN - GOLD	Matit ngoài trời	25 kg/th	626,000	1,2 - 1,4
MB- T	Bột bả trong nhà	25 kg/bao	355,000	0,8 - 1,0
MB-N	Bột bả ngoài trời	25 kg/bao	425,000	0,8 - 1,0
MT KL5T - GOLD mịn	Matit KL5T hai thành phần chịu mài mòn (loại mịn)	25 kg/th	2,105,000	0,8 - 1,0
		5 kg/th	555,000	
MT KL5T - GOLD thô	Matit KL5T hai thành phần chịu mài mòn (loại thô)	25 kg/th	1,958,000	0,8 - 1,0
		5 kg/th	515,000	
TNA - GOLD	Chất phủ đệm sân thể thao, sân Tennis	25 kg/th	1,355,000	tùy bề mặt
SK-6	Matit chịu ẩm ướt dùng cho sân Tennis, chân tường	20 kg/th	1,355,000	1,0 - 1,2
		4 kg/th	306,000	
Chống thấm sàn, mái, tường đứng, toilet, bể nước				
CT-11A GOLD	Chất chống thấm xi măng, bê tông	20 kg/th	3,695,000	tùy bề mặt
		04 kg/th	785,000	
		1kg/lon	232,000	
CT-11B GOLD	Phụ gia trộn vữa xi măng, bê tông	19 kg/th	2,195,000	tùy bề mặt
		3,8 kg/th	496,000	
CT-14	Chất chống thấm co giãn, chống áp lực ngược cho xi măng, bê tông	20 kg/th	3,345,000	tùy bề mặt
		04 kg/th	700,000	
Sơn chống nóng				
CN-05	Sơn chống nóng hệ nước	20 kg/th	3,192,000	3,0 - 3,5
		04 kg/th	638,000	
Sơn phủ bóng không màu trong suốt				
Clear N - GOLD	Sơn phủ bóng Clear ngoài trời	04 kg/th	992,000	10 - 12
		20 kg/th	4,745,000	
		1kg/lon	270,000	
Clear KL5 - GOLD	Sơn phủ bóng Clear chống thấm, chịu mài mòn	04 kg/th	1,898,000	0,8 - 1,0
		20 kg/th	9,299,000	

Sơn đặc biệt				
KGP	Sơn hạt (Mẫu theo Catalogue)	4kg	483,000	2,7 - 3,0
		20kg	2,285,000	
KSP - GOLD	Sơn giả đá vảy trung (Mã GĐ GOLD – 05, 06, 08, 12, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 31, 32, 34, 35, 36, 38, 39, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 57)	4kg	845,000	0,7 - 0,9
		20kg	4,050,000	
	Sơn giả đá vảy nhỏ (Mã GĐ GOLD – 01, 02, 03, 04, 07, 09, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 37, 40, 43, 56, 58, 59, 60)	4kg	613,000	0,9 - 1,1
		20kg	2,890,000	
K462	Sơn tấm chắn con lươn bê tông đường giao thông	1kg	99,000	2,5 - 3,0
Sơn Nhũ				
NT26	Sơn nhũ vàng chùa Thái Lan (gồm sơn nhũ, không bao gồm lót)	1kg/lon	539,000	5,0 - 6,0

Ghi chú : Đơn giá sản phẩm đã bao gồm 10% VAT

BẢNG CHÀO GIÁ MỘT SỐ SẢN PHẨM SƠN ĐẶC BIỆT KHÁC

(Áp dụng từ ngày 04/10/2021)

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Định mức m ² /kg
Sơn đặc biệt				
1	Sơn ngoại thất tự làm sạch Nanopro Self-cleaning (loại bóng)	20kg	6,880,000	5,0 - 5,5
2	Sơn ngoại thất tự làm sạch Nanopro Self-cleaning (loại bán bóng)	20kg	6,380,000	5,0 - 5,5
3	Sơn viết bảng KOVA Nano WhiteBoard	4 kg/bộ	2,880,000	5,0 - 6,0
Sơn Nhũ				
1	Sơn nhũ ánh kim KOVA	1kg/lon	580,000	4,0 - 5,0
2	Sơn nhũ đồng KOVA Bronze Metallic	1kg/lon	580,000	4,0 - 5,0

Ghi chú : Đơn giá sản phẩm đã bao gồm 10% VAT

